**TUẦN 22 :**

**TIẾT 79, 80** **: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN : ĐẶC ĐIỂM,**

**AĐỀ VĂN, CÁCH LẬP Ý, BỐ CỤC**

**I. TÌM HIỂU BÀI :**

**1/ Đặc điểm của văn bản nghị luận :**

**a. Luận điểm:**

- Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm trong bài văn nghị luận.

**b.**  **Luận cứ;**

- Luận cứ là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm.

**c.** **Lập luận:**

- Là cách lựa chọn, sắp xếp, trình bày luận cứ để làm rõ cho luận điểm.

**2/ Đề văn nghị luận :**

a**. Nội dung** : Nêu ra một vấn đề để bàn bạc và đòi hỏi người viết bày tỏ ý kiến của mình đối với vấn đề đó.

**b. Tính chất** : giải thích, ca ngợi, khuyên nhủ, phân tích…

**c.** **Tìm hiểu đề** : Xác định đúng vấn đề, phạm vi, tính chất của đề.

**3/ Cách lập ý cho bài văn nghị luận :**

**a. Xác lập luận điểm :** Ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn nghị luận.

**b. Tìm luận cứ :**

**- Lí lẽ :** Trả lời các câu hỏi : Là gì?Tại sao? Làm gì?

**- Dẫn chứng :** Tìm trong thực tế hoặc trong thơ văn.

**c. Xây dựng lập luận :** Sắp xếp các luận cứ theo trình tự hợp lí.

**4/ Bố cục của bài văn nghị luận :**

**a. Bố cục là gì ?**

Là sự bố trí, sắp xếp các phần các đoạn theo một trình tự, một hệ thống rành mạch và hợp lí.

**b. Bố cục gồm 3 phần :**

**- Mở bài :** Nêu vấn đề - Giới thiệu luận điểm

**- Thân bài :** Nêu luận cứ ( lí lẽ và dẫn chứng) làm sáng tỏ luận điểm

**- Kết bài :** Tổng kết vấn đề - Khẳng định tính đúng đắn của luận điểm.

**II/ LUYỆN TẬP** :

Cho đề bài : Viết bài văn nghị luận về câu tục ngữ ***“ Thương người như thể thương thân”***.Hãy thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định vấn đề nghị luận ( luận điểm)

- Tìm lí lẽ, dẫn chứng (luận cứ)

- Lập dàn ý

**TIẾT 81: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

Hồ Chí Minh

**I. ĐỌC HIỂU CHÚ THÍCH**

**1. Tác giả**: Hồ Chí Minh (1890-1969)

**2. Tác Phẩm**:

*a. Xuất xứ:* trích trong Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm1951 của Đảng Lao Động Việt Nam

*b. Thể loại*: Nghị luận (chứng minh)

**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**1. Nhận định chung về lòng yêu nước**

- “***Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.***

 ***Đó là truyền thống quý báu của ta.”***

 *🡪 Nêu vấn đề rõ ràng, cụ thể, trực tiếp*

- ***Hình ảnh so sánh :*** tinh thần yêu nước...kết thành làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước... (gạch sách)

- Sử dụng động từ mạnh : kết thành, lướt qua, nhấn chìm

***🡺 Khẳng định truyền thống quý báu của dân ta, đó tình cảm yêu nước mãnh liệt, sâu sắc, bền chặt, sôi nổi, để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.***

**2. Chứng minh lòng yêu nước**

*a. Trong lịch sử*:

Có nhiều chiến công hiển hách của mọi thời đại : Lý Bí, Bà Trưng, Bà Triệu,…

🡪 *Sắp xếp theo trình tự thời gian, ghi nhớ công ơn của các vị anh hùng đi trước*

*b. Ngày nay*

“Đồng bào ta ngày nay rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước”:

- Từ cụ già đến các cháu nhi đồng

- Từ kiều bào đến đồng bào vùng tạm chiếm

- Từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi

🡪 *Chứng minh theo lứa tuổi, hoàn cảnh, vị trí địa lí*

- Từ chiến sĩ tiêu diệt giặc đến công chức ủng hộ bộ đội

- Từ phụ nữ khuyên chồng đến các bà mẹ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ

- Từ nam nữ công nhân tăng gia sản xuất đến điền chủ quyên tấc ruộng

🡪 *Chứng minh theo tầng lớp nhân dân, nhiệm vụ.*

🡺 ***Thể hiện sự phong phú với nhiều biểu hiện đa dạng của tinh thần yêu nước trong nhân dân ở mọi tầng lớp , giai cấp, lứa tuổi, địa phương.***

**3. Khẳng định và nêu nhiệm vụ**

**- Khẳng định:** *“Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý: Có khi được trưng bày... có khi cất giấu trong rương hòm...”*

🡪 So sánh vừa kín đáo vừa cụ thể

- **Nhiệm vụ:** *“phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.”*

*🡪 Nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể*

**III. GHI NHỚ:** SGK/27

**IV. LUYỆN TẬP:**

Là một người dân nước Việt, em có cảm nghĩ ra sao khi được thấy sức mạnh lòng yêu nước của nhân dân ta? (Viết từ 5-7 dòng)

**TIẾT 82: CÂU ĐẶC BIỆT**

**I. TÌM HIỂU BÀI**

**1.Thế nào là câu đặc biệt?**

Câu đặc biệt là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ

VD: Ôi, Em Thủy! 🡪 không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ, vị ngữ

**2. Tác dụng của câu đặc biệt**

*a/ Xác định thời gian diễn ra sự vật, hiện tượng được nói đến*

VD: Một đêm mùa xuân.

*b/ Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật hiện tượng.*

VD: Đoàn người nhốn nháo lên. Tiếng reo. Tiếng vỗ tay.

*c/ Bộc lộ cảm xúc*

VD: Trời ơi!

*d/ Gọi đáp*

VD: - Chị An ơi

**II. GHI NHỚ** (SGK)

**III. LUYỆN TẬP**

**Bài tập:** Xác định câu rút gon và câu đặc biệt và cho biết tác dụng của chúng.

a) Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy.

b) Gió biển thổi lồng lộng. Ngoài kia là ánh sáng đèn sáng rọi của một con tàu. Một hồi còi.

c) Chim sâu hỏi chiếc lá:

- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!

d) Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp răng rộng…xuống hang sâu. Ba giây…Bốn giây…Năm giây…Lâu quá!

**TUẦN 23**

**TIẾT 83 : PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN : CHỨNG MINH, GIẢI THÍCH**

I/ **TÌM HIỂU BÀI :**

1. **Phép lập luận chứng minh :**
* Là dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực, đã được thứa nhận để chứng tỏ luận điểm mới (cần chứng minh) là đáng tin cậy.
* Các lí lẽ, bằng chứng dùng trong phép lập luận chứng minh phải được lựa chọn, thẩm tra, phân tích thì mới có sức thuyết phục.
1. **Phép lập luận giải thích:**
* Là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lí, phẩm chất,…cần được giải thích nhầm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tình cảm.
* Các phương pháp giải thích : nêu định nghĩa, kể ra các biểu hiện, so sánh đối chiếu với những hiện tượng khác, chỉ ra mặt có lợi, hại, nguyên nhân, hậu quả của hiện tượng hoặc vấn đề được giải thích.

**II/ LUYỆN TẬP :** Làm phần luyện tập của 2 bài :

* Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh/ SGK/ 43
* Tìm hiểu chung về phép lập luận giải thích/ SGK/ 72

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾT 84 : LUYỆN TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**Bài tập :** Hãy nêu các phương pháp chứng minh, giải thích cho đề bài sau ;

Viết bài văn nghị luận về câu tục ngữ : *“Thương người như thể thương thân”*.

1/ Giải thích : Lần lượt trả lời các câu hỏi:

1. Câu tục ngữ có nghĩa là gì?
* “Thương thân” là gì ?
* “ Thương người” là gì?
* “Thương người như thể thương thân”.có nghĩa là gì?
1. Tại sao phải yêu thương người khác như yêu chính bản thân mình?
2. Chúng ta phải làm gì để thực hiện theo lời khuyên của câu tục ngữ?

2/ Chứng minh : Tìm dẫn chứng trong thực tế hoặc trong thơ văn :

* Thực tế :
* Thơ văn

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾT 85: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**I. TÌM HIỂU BÀI**

**1. Đặc điểm của trạng ngữ**

a) **Về măt ý nghĩa:**

- Trạng ngữ chỉ thời gian

VD: Cối xay tre nặng nề quay, **từ nghìn đơi nay**, xay nắm thóc.

 TN

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn

VD: **Trên cánh đồng**, những chú trâu đang thung thăng gặm cỏ.

 TN

- Trạng ngữ chỉ mục đích ( để, muốn…)

VD: **Để học giỏi**, tôi phải chăm chỉ.

 TN

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân (vì, bởi vì, do…)

VD: **Vì đau chân**, tôi không đi học được.

 TN

- Trạng ngữ chỉ phương tiện ( bằng, với…)

VD: **Bằng chiếc xe máy**, mẹ tôi chở tôi đi học hằng ngày.

 TN

- Trạng ngữ chỉ cách thức ( với, như…)

VD: Cơn gió mùa hạ lướt qua vưng sen trên hồ, …, **như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết.**

 TN

**b) Về hình thức:**

- Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu.

- Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một dấu phẩy khi viết và dấu cách quãng khi nói.

**2. Công dụng của trạng ngữ**

- Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần agm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.

- nối kêt các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho bài văn, đoạn văn được mạch lạc.

\* Lưu ý: Trong những tình huống đặc biệt, có thể tách trạng ngữ ở cuối câu thành một câu riêng.

**II. GHI NHỚ (SGK)**

**III. LUYỆN TẬP**

**Bài tập:** Xác định trạng ngữ và cho biết đặc điểm của chúng

a) Về mùa đông, lá bàng đỏ như màu đồng hun. *(Đoàn giỏi)*

b) Trên giàn thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. *(Vũ Bằng)*

c) Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời. *(Thạch Lam)*

d) Chúng ta có thể khẳng định rằng: cấu tạo của tiếng Việt, với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây, là một chứng cớ khá rõ về sự sống của nó. (*Đặng Thai Mai)*

**TIẾT 86: SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT**

(HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM)

Đặng Thai Mai

**I. ĐỌC HIỂU CHÚ THÍCH**

**1. Tác giả**: Đặng Thai Mai

**2. Tác phẩm**: SGK

**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Bằng những lí lẽ, chứng cứ chặt chẽ và toàn diện, bài văn đã chứng minh sự giàu có và đẹp đẽ của tiếng Việt trên nhiều phương diện: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Tiếng Việt, với những phẩm chất bền vững và giàu khả năng sáng tạo trong quá trình phát triển lâu dài của nó, là một biểu hiện hùng hồn sức sống của dân tộc.

**III. GHI NHỚ: SGK/37**

**🞷TUẦN 24 :**

**TIẾT 87, 88 : CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH, GIẢI THÍCH**

**I/ TÌM HIỂU BÀI :**

**\* Các bước làm bài : 4 bước ;**

1/ Tìm hiểu đề và tìm ý

2/ Lập dàn ý

3/ Viết thành văn

4/ Đọc lại và sửa chữa

**II/ LUYỆN TẬP :** Trình bày các bước làm bài cho đề văn : Viết bài văn nghị luận về câu tục ngữ : “ Có chí thì nên”.

\* Gợi ý : Dàn bài

1/ Mở bài : Trong xã hội hiện đại, muốn làm được một việc gì đó, dù khó hay dễ, mỗi chúng ta đều phải biết cố gắng, kiên trì hết mình. Điều đó cũng tương tự như câu *"Có chí thì nên"* - một câu nói hay và đặc sắc.

2/ Thân bài :

a. Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ :

 - *"Chí"* : là ý chí, là nghị lực và quyết tâm của con người

 -*"Nên"* : làm được một việc gì đó, là sự thành công của sự cố gắng

 - *"Có chí thì nên"* : Khẳng định chân lí, ai có nghị lực, quyết tâm thì nhất định sẽ thành công trong mọi việc, dù là khó khăn nhất.

b. Vì sao nói : “ Có chí thì nên”?

 - Đây là một đức tính không thể thiếu được trong cuộc sống khi ta làm bất cứ việc gì, muốn thành công đều phải trở thành một quá trình, một thời gian rèn luyện lâu dài. Có khi thành công đó lại được đúc rút kinh nghiệm từ thất bại này đến thất bại khác.

 - Không chỉ qua một lần làm việc mà thành công, mà chính ý chí, nghị lực,lòng kiên trì mới là sức mạnh giúp ta đi đến thành công.

- Nếu chỉ một lần thất bại mà vội nản lòng, nhụt chí thì khó đạt được mục đích

c*. Chứng minh* :

- Thầy Nguyễn Ngọc Ký bị liệt hai tay nhưng nhờ có nghị lực mà thầy đã vượt lên chính mình để trở thành một nhà giáo ưu tú

 - Ê-đi-xơn - ông vua của các phát mình đã từng đội sổ suốt những năm đi học nhưng nhờ tính tò mò và sự cố gắng, ông đã tạo nên bao nhiêu các phát minh vĩ đại cho nhân loại.

- Các vận động viên khuyết tật mà đạt Huy chương vàng trong các kì thi Pa-ra-game.

- Cô Pa - đu-la , người Anh, bị mù mà trở thành người mẫu thời trang nổi tiếng.

- Ông Ốt-xtơ-rốp-xki bị mù đã trở thành nhà văn nổi tiếng d. *Phê phán* : Những người dễ nản lòng trước những khó khăn, thử thách.

e. *Hướng phấn đấu* :

- Cần rèn luyện tính kiên trì.

- Hãy nhắc nhở bản thân "đứng lên" sau mỗi lần thất bại

3/ Kết bài :
 - Như nhà bác học Ê-đi-xơn đã từng nói : *"1% là nhờ trí thông minh còn 99% là nhờ cố gắng"*, khi muốn thực hiện môt việc nào đó, dù khó đến nhường nào, ta chỉ cần có ý chí, cố gắng thì nhất định sẽ thành công.

**TIẾT 89,90: LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH, GIẢI THÍCH**

**🖝 Cho đề bài : Chứng minh, giải thích câu tục ngữ : *“ Thương người như thể thương thân”*.-> HS viết các đoạn văn theo yêu cầu sau :**

1/ Viết đoạn mở bài

2/ Viết một đoạn giải thích ý nghĩa câu tục ngữ

3/ Viết một đoạn giải thích tại sao chúng ta phải yêu thương người khác như yêu chính bản thân mình?

4/ Viết một đoạn chứng minh rằng trong thực tề, nhân dân ta đã có những việc làm thể hiện tinh thần tương thân tương ái, quên mình vì người khác.

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**🞷TUẦN 25 :**

**TIẾT 91: ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

 **Phạm Văn Đồng**

**I. ĐỌC HIỂU CHÚ THÍCH:**

**1. Tác giả:** Phạm Văn Đồng (1906-2000)

- Quê quán: Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

- Là nhà hoạt động chính trị, nhà văn hoá lớn, là học trò xuất sắc của HCM

**2. Tác phẩm:**

*a. Xuất xứ:* Trích từ “*Chủ tịch Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*”

*b. Thể loại*: Nghị luận

**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**1. Nhận định chung về đức tính giản dị của Bác:**

“Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh”

🡪 Luận điểm chính, thể hiện niềm tin của tác giả vào sự nhận định của mình

**2. Những biểu hiện về sự giản dị của Bác:**

*a. Trong sinh hoạt:*

- **Bữa ăn**:

+ Chỉ vài ba món giản đơn

+ Lúc ăn không để rơi vãi 1 hạt cơm

+ Ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì đ­ược sắp xếp t­ơm tất.

*🡪 Đạm bạc, dân dã*

- **Nơi ở:**

**+** Nhà sàn của Bác vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng, luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất h­ương thơm và hoa v­ườn**.**

*🡪 Thanh bạch, tao nhã*

*b.* *Cách làm việc:*

- Suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc từ việc rất lớn đến việc rất nhỏ

 - Trong đời sống của mình, việc gì Bác….Thắng Lợi.

*🡪 Khoa học, ngăn nắp, tận tâm, tận lực*

*c. Trong quan hệ với người khác:*

- Viết thư cho 1 đồng chí

- Nói chuyện với các cháu thiếu nhi

- Đi thăm nhà ăn của công nhân

- Đặt tên cho người giúp việc....

*🡪 Gần gũi, yêu thương, quan tâm*

*d. Giản dị trong lời nói, bài viết*

 - Không có gì quí hơn độc lập tự do

 - Nước VN là 1, dân tộc VN là 1...

*🡪 Chân lý ngắn gọn, dễ nhớ, giản dị mà sâu sắc*

🡺 ***Giản dị là 1 đức tính, 1 phẩm chất nổi bật và nhất quán trong lối sống, sinh hoạt, trong quan hệ với mọi ng­ời, trong công việc và cả trong lời nói, bài viết của chủ tịch HCM***

**III. GHI NHỚ:** SGK/55

**IV. LUYỆN TẬP:**

**TIẾT 92: CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG**

**I. TÌM HIỂU BÀI**

**1. Câu chủ động và câu bị động**

- Câu chủ động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác (Chỉ chủ thề của hoạt động)

VD:

Mọi người yêu mến em. 🡪 Câu chủ động

- Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của người, vật khác hướng vào (Chỉ đối tượng của hoạt động)

VD Em **được** mọi người yêu mến. 🡪 Câu bị động

**2. Cách chuyển câu chủ động thành câu bị động**

VD: Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ thế kỉ XIII.(Câu chủ động)

 Chủ thể đối tượng

**Câu bị động:**

***Cách 1***: Chuyển từ (hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu âu và thêm các từ **bị** hay **được** vào sau từ (cụm từ) ấy.

VD: Ngôi chùa ấy **được** (một nhà sư vô danh) xây từ thế kỉ XIII.

***Cách 2:*** Chuyển từ (cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu, đồng thời lược bỏ hoặc biến từ (cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành một bộ phận không bắt buộc trong câu

 VD: Ngôi chùa ấy được xây từ thế kỉ XIII.

**Lưu ý:** không phải câu nào có từ **bị, được** cũng là câu bị động.

VD: Tay em bị đau. (Đây không phải là câu bị động)

**II. GHI NHỚ (sgk)**

**III. LUYỆN TẬP**

**Bài tập:** Chuyển câu chủ động sau thành câu bị động theo hai cách

a) Người ta làm tất cả cánh cửa chùa bằng gỗ lim.

b) Chàng kị sĩ buộc con ngựa bạch bên gốc đòa.

c) Người ta dựng một lá cờ đại ở giữa sân.

d) Người ta đã phá ngôi chùa ấy đi.